TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2019/DS-ST
Ngày: 13-11-2019
V/v tranh chấp "Giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự đối với Hợp đồng góp hụi và Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xươnne

2. Ông Huỳnh Khởi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Ông Dương Thanh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp: "Giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự đối với Hợp đồng góp hụi và Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 222/2019/QĐXX-ST ngày 24 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962.

Địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh S

2. Bị đơn:

Bà Trần Thị N, sinh năm 1951.

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1951

Cùng địa chỉ: ấp C, xã K, huyện K, tỉnh S.

(Bà L có mặt; bà N có đơn xin vắng mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/9/2019, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà L có tham gia chơi hụi do vợ chồng bà Trần Thị N, ông Nguyễn Văn T làm đầu thảo. Cụ thể các dây hụi sau:

1/ Dây hụi mùa, 04 tháng khui một lần, mở vào ngày 19/7/2012, gồm 20 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng, bà L tham gia 02 phần, đã đóng được 12 kỳ (lần) hụi sống/01 phần, nếu tính cả vốn và lãi hụi thì được số tiền **120.000.000 đồng**.

2/ Dây hụi mùa, 04 tháng khui một lần, mở vào ngày 19/11/2012, gồm 15 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng, bà L tham gia 04 phần, trong đó đã hốt hụi được 02 phần và nợ tiền hụi chết là 40.000.000 đồng, còn lại 02 phần hụi sống, đã đóng được 11 kỳ (lần) hụi sống/01 phần, nếu tính cả vốn và lãi hụi thì được số tiền 110.000.000 đồng. Dây hụi này, sau khi cấn trừ tiền hụi chết thì bà N và ông T còn nợ bà L số tiền **70.000.000 đồng**.

3/ Dây hụi mùa, 04 tháng khui một lần, mở vào ngày 19/3/2011, gồm 21 phần, mỗi phần 3.000.000 đồng, bà L tham gia 03 phần, đã đóng được 16 kỳ (lần) hụi sống/01 phần, nếu tính cả vốn và lãi hụi thì được số tiền **144.000.000 đồng**.

4/ Dây hụi mùa, 04 tháng khui một lần, mở vào ngày 19/3/2012, gồm 22 phần, mỗi phần 3.000.000 đồng, bà L tham gia 01 phần, đã đóng được 13 kỳ (lần) hụi sống, nếu tính cả vốn và lãi hụi thì được số tiền **39.000.000 đồng**.

5/ Dây hụi mùa, 04 tháng khui một lần, mở vào ngày 19/11/2013, gồm 20 phần, mỗi phần 3.000.000 đồng, bà L tham gia 02 phần, đã đóng được 08 kỳ (lần) hụi sống/01 phần, nếu tính cả vốn và lãi hụi thì được số tiền 48.000.000 đồng.

6/ Dây hụi tháng mở vào ngày 15/6/2015, gồm 28 phần, mỗi phần 3.000.000 đồng, bà L tham gia 02 phần, đã đóng được 14 kỳ (lần) hụi sống/01 phần, nếu tính cả vốn và lãi hụi thì được số tiền **14.000.000 đồng**.

7/ Dây hụi mùa, 04 tháng khui một lần, mở vào ngày 19/7/2011, gồm 24 phần, mỗi phần 3.000.000 đồng, bà L tham gia 02 phần, đã đóng được 15 kỳ (lần) hụi sống/01 phần hụi, nếu tính cả vốn và lãi hụi thì được số tiền **90.000.000 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền hụi sống mà bà N và ông T nợ chị bà Nguyễn Thị L là **501.000.000 đồng**.

Bên cạnh đó, vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị N có vay của bà L **75.000.000 đồng**.

Sau khi kết toán lại, bà N và ông T có viết giấy tay xác nhận còn nợ bà L số tiền hụi và tiền vay là 416.000.000 đồng, đồng thời cam kết 04 tháng trả 10.000.000 đồng nhưng không thực hiện.

Theo nội dung đơn khởi kiện ban đầu, bà L yêu cầu bà N và ông T cùng chịu trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền hụi và tiền vay còn nợ là 416.000.000 đồng.

Ngày 24/10/2019 bà Nguyễn Thị L có nộp đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện với nội dung như sau:

Ngày 17/9/2019 bà L có làm đơn kiện bà Trần Thị N và ông Nguyễn Văn T trả số tiền là 416.000.000 đồng.

Nay bà L chỉ yêu cầu bà Trần Thị N trả số tiền còn nợ là 416.000.000 đồng.

Bà L không yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải cùng chịu trách nhiệm trả nợ nêu trên cùng bà N.

Tại phiên Tòa, bà Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên ý kiến theo nội dung đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ngày 24/10/2019 và chỉ yêu cầu bà Trần Thị N chịu trách nhiệm thanh toán cho bà L số tiền hụi và tiền vốn vay còn nợ là **416.000.000 đồng**.

Bị đơn là bà Trần Thị N có đơn xin vắng mặt.

Theo Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách bị đơn là bà Trần Thị N trình bày:

Bà N và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng. Bà Ni thừa nhận còn nợ tiền hụi và tiền vay của bà Nguyễn Thị L số tiền là 416.000.000 đồng.

Tuy nhiên, bà L còn nợ tiền của tôi nhưng bà N chưa khởi kiện và bà sẽ khởi kiện sau.

Nay bà N cũng đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền hụi và tiền vay cộng chung là 416.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi vụ (04 tháng) trả 10.000.000 đồng cho đến khi xong nợ **416.000.000 đồng**.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 68, 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L là có căn cứ. Bởi lẽ, bà Nguyễn Thị L chỉ yêu cầu bà Trần Thị N trả số tiền 416.000.000 đồng và bà N cũng đồng ý trả cho bà L số tiền nói trên. Cho nên, đề N Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, buộc bà Trần Thị N trả cho bà L số tiền vốn vay và tiền hụi còn nợ là 416.000.000 đồng.

Đối với việc xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của bà L về việc không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cùng chịu trách nhiệm trả nợ. Xét thấy, việc thay đổi này cũng phù hợp với quy định của pháp luật, không gây ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Nguyễn Văn T nên đề N Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí, chi phí tố tụng: đề N Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và Tại phiên Tòa, nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện với nội dung như sau: chỉ yêu cầu bị đơn là bà Trần Thị N chịu trách nhiệm thanh toán số tiền hụi và tiền vốn vay còn nợ là **416.000.000 đồng**, không yêu cầu bị đơn là ông Nguyễn Văn T phải trách nhiệm trả nợ cùng với bị đơn là bà Trần Thị N. Xét thấy, việc thay đổi một phần khởi kiện của nguyên đơn về trách nhiệm trả nợ là quyền tự định đoạt của đương sự, không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với Điều 244 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên Tòa, bị đơn là ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp L lần thứ nhất những vắng mặt không rõ lý do và cũng không có đơn đề N xét xử vắng mặt đồng thời bị đơn T không có yêu cầu phản tố. Xét thấy, do nguyên đơn không có yêu cầu bị đơn Nguyễn Văn T trả nợ cùng với bị đơn Trần Thị N nên giữa nguyên đơn và bị đơn Nguyễn Văn T không có phát sinh quyền, nghĩa vụ liên quan theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, đồng thời bị đơn Nguyễn Văn T cũng không bị thiệt hại hoặc quyền, lợi ích bị hợp pháp xâm phạm, đồng thời cũng không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2915. Cho nên, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Văn T là có căn cứ và phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về đánh giá chứng cứ: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Trần Thị N thừa nhận còn nợ nguyên đơn 416.000.000 đồng tiền hụi và tiền vay và đồng ý trả dần cho nguyên đơn bằng cách 04 tháng trả 10.000.000 đồng cho đến khi xong nợ.

Xét thấy, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2, Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của các nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn Trần Thị N phải chịu trách nhiệm thanh toán số tiền hụi và tiền vay còn nợ cộng chung là **416.000.000 đồng**. Xét thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn Trần Thị N đã có giao dịch dân sự dưới hình thức hợp đồng vay tài sản và giao dịch về tài sản dưới hình thức góp hụi với mục đích tương trợ, có hưởng huê hồng, tiền lãi được thực hiện theo quy định của pháp luật là có thật. Đồng thời, bị đơn Trần Thị N cũng có ý kiến thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 416.000.000 đồng như nguyên đơn đã khai. Cho nên, yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn Trần Thị N phải thanh toán số tiền hụi và tiền vay còn nợ cộng chung 416.000.000 đồng là chính đáng và có căn cứ pháp luật để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Đối với ý kiến của bị đơn Trần Thị N xin trả dần số tiền 416.000.000 đồng bằng cách 04 tháng trả 10.000.000 đồng đến khi xong nợ. Xét thấy, ý kiến này của bị đơn Trần Thị N không được nguyên đơn chấp nhận và cũng không có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên Tòa, nguyên đơn không yêu cầu tính thêm tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện trả tiền hụi và tiền vốn vay. Xét thấy, việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi phát sinh là có lợi cho bị đơn Trần Thị N, đây là quyền tự định đoạt của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử không có căn cứ đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí DSST:

Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn Trần Thị N phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị đơn Nguyễn Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

5] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét đề N của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1, Điều 227, khoản 1, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ N định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ: Về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ khoản 1, Điều 27 N định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ: Về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ Điều 13 của N quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ N quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L. Buộc bà Trần Thị N chịu trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị L **416.000.000 đồng (bốn trăm mười sáu triệu đồng)** tiền nợ hụi và tiền vay.

[2] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **10.320.000 đồng (mười triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng)** theo biên lai thu số 0000925 ngày 04/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

Bà Trần Thị N phải chịu **20.640.000 đồng (hai mươi triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng)** tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai, bà Nguyễn Thị L có mặt tại phiên Tòa và có mặt khi tuyên án. Bà Trần Thị N không có mặt tại phiên Tòa và cũng không có mặt khi tuyên án do có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông Nguyễn Văn T không có mặt tại phiên Tòa và cũng không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Lưu HSVA.

Phạm Hải Duy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hải Duy